TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọt

2. Ông Nguyễn Quốc Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn *tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Ái Liên-Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 23/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lê Thị T**, sinh năm 1984
Địa chỉ: số nhà 145, đường A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Thanh Hóa
2. Bị đơn: anh **Trần Văn Vinh**, sinh năm 1982
Địa chỉ: số nhà 145, đường A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị T và anh Trần Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, được UBND phường C, thị xã D cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2017 và bản tự khai 17/11/2017 nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị và anh V chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V ham mê cờ bạc, lô đề, nợ nần khiến gia đình phải bán nhà trả nợ. Tuy nhiên anh V không lấy đó làm bài học để thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy,

không quan tâm chăm lo cho gia đình.Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng đã thật sự không thể hòa giải được. Bản thân chị đã rất mệt mỏi, tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị Mai P (nữ), sinh ngày 10/02/2010. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến tuổi thành niên, yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn anh Trần Văn V theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh V không có mặt theo giấy triệu tập. Qua xác minh tại khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Thanh Hóa thì anh Trần Văn V đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ, không biết thời điểm trở vê. Vì thế, văn phòng Thừa phát lại Bỉm Sơn đã lập biên bản xác minh và niêm yết các giấy tờ thủ tục theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc giải quyết, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con cái: Đề nghị giao cháu Trần Thị Mai P (nữ), sinh ngày10/02/2010 cho chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh V không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến để hòa giải, nhưng bị đơn anh Trần Văn Vvắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, đây là lần thứ hai bị đơn vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Trần Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND phường C, thị xã D cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian và đã có một con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V ham mê cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần, gia đình phải bán nhà trả nợ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Trần Văn V đã bỏ đi khỏi địa phường và không có mặt theo giấy triệu tập, vì thế không tiến hành hòa giải cho vợ chồng được.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn với anh V để giải phóng cho hai bên phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: vợ chồng có một con chung là Trần Thị Mai P (nữ), sinh ngày 10/02/2010. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến tuổi thành niên, yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét việc xin nuôi con của chị Lê Thị T là hoàn toàn chính đáng và xuất phát từ tình mẫu tử của mẹ đối với con, cũng là nguyện vọng của cháu P. Nghĩ nên giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con ghi nhận ý kiến của chị T tại phiên tòa là không yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 144, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 điều 56, điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết,

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn V.

2. Về phần con cái: Giao con chung cháu Trần Thị Mai P (nữ) - sinh ngày 10/02/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004299 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn. Như vậy chị T đã thi hành xong khoản án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho chị Lê Thị T có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Bỉm Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Sơn thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Giang